



**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trụ sở chính: 14A Phan Đăng Lưu, Quy Nhơn, Gia Lai
ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-DD: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com

Số: 842/CV-DD

Gia Lai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

V/v: Đề nghị đăng thông báo công
khai cuộc đấu giá QSD đất ở

SỞ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI

Số: 22315

ĐẾN Ngày: 12/8/2026

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 100/2026/HDDVDGTS ngày 06/8/2026 giữa Ban Quản lý xã Đức Cơ và Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương; Quy chế cuộc đấu giá số 977/QCCĐG-DD ngày 10/8/2026 về việc đấu giá tài sản: Quyền sử dụng đất đối với 55 lô đất ở tại khu dân cư tổ dân phố 6 (giáp Trường Phổ thông dân tộc nội trú), nay thuộc thôn Chư Ty 5, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào khoản 2 điều 13 Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gửi nội dung thông báo đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

“THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng đất ở: 55 lô đất ở tại khu dân cư tổ dân phố 6 (giáp Trường Phổ thông dân tộc nội trú), nay thuộc thôn Chư Ty 5, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Loại đất đấu giá: Đất ở nông thôn;

Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

Hạ tầng kỹ thuật: Đã được đầu tư đồng bộ gồm đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và các hạ tầng kỹ thuật khác theo hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt;

Mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng và khoảng lùi (nếu có): Thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 12/12/2022;

Hiện trạng sử dụng đất: Các lô đất đưa ra đấu giá phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



*** Ký hiệu lô đất, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá và bước giá của từng lô đất, cụ thể:**

STT	Ký hiệu lô đất	Thửa a đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m2)	(đồng/lô)			
I. Khu NLK.4				6.481,00		26.637.050.000			
1	NLK.4-01	622	35	264,00	4.000.000	1.161.600.000	232.320.000	200.000	24.000.000
2	NLK.4-02	623	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
3	NLK.4-03	624	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
4	NLK.4-04	625	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
5	NLK.4-05	626	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
6	NLK.4-06	627	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
7	NLK.4-07	628	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
8	NLK.4-08	629	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
9	NLK.4-09	630	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
10	NLK.4-10	631	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
11	NLK.4-11	632	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
12	NLK.4-12	633	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
13	NLK.4-13	634	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
14	NLK.4-14	635	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
15	NLK.4-15	636	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
16	NLK.4-16	637	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
17	NLK.4-17	638	35	175,00	4.000.000	770.000.000	154.000.000	100.000	16.000.000
18	NLK.4-20	621	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
19	NLK.4-21	620	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
20	NLK.4-22	619	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
21	NLK.4-23	618	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
22	NLK.4-24	617	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
23	NLK.4-25	616	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
24	NLK.4-26	615	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
25	NLK.4-27	614	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000

26	NLK.4-28	613	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
27	NLK.4-29	612	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
28	NLK.4-30	611	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
29	NLK.4-31	610	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
30	NLK.4-32	609	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
31	NLK.4-33	608	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
32	NLK.4-34	607	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
33	NLK.4-35	606	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
34	NLK.4-36	605	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
35	NLK.4-37	604	35	175,00	3.500.000	673.750.000	134.750.000	100.000	14.000.000
36	NLK.4-38	603	35	267,00	3.500.000	1.027.950.000	205.590.000	200.000	21.000.000
II. Khu NLK.7				3.386,00		14.604.700.000			
37	NLK.7-01	553	35	248,00	4.500.000	1.227.600.000	245.520.000	200.000	25.000.000
38	NLK.7-02	552	35	167,00	4.500.000	826.650.000	165.330.000	100.000	17.000.000
39	NLK.7-03	551	35	171,00	4.500.000	846.450.000	169.290.000	100.000	17.000.000
40	NLK.7-04	550	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
41	NLK.7-05	549	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
42	NLK.7-06	548	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
43	NLK.7-07	547	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
44	NLK.7-08	546	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
45	NLK.7-09	545	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
46	NLK.7-10	544	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
47	NLK.7-11	543	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
48	NLK.7-12	542	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
49	NLK.7-13	541	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
50	NLK.7-14	540	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
51	NLK.7-15	539	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
52	NLK.7-16	538	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
53	NLK.7-17	537	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
54	NLK.7-18	536	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
55	NLK.7-19	535	35	175,00	3.800.000	731.500.000	146.300.000	100.000	15.000.000
Tổng cộng				9.867,00		41.241.750.000			

2. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ: Ban Quản lý xã Đức Cờ; Địa chỉ: Số 02 đường Anh Hùng Núp, xã Đức Cờ, tỉnh Gia Lai.

3. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

- Thời gian: Liên tục kể từ ngày 12/8/2026 đến 17 giờ ngày 08/9/2026;

- Địa điểm:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương (xem giấy tờ và tài liệu liên quan);

+ Tại khu dân cư tổ dân phố 6 (giáp Trường Phổ thông dân tộc nội trú), nay thuộc thôn Chư Ty 5, xã Đức Cờ, tỉnh Gia Lai (xem hiện trạng).

4. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá:

- Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Bắt đầu từ 08 giờ ngày 12/8/2026 đến 17 giờ ngày 03/9/2026;

- Tại Trụ sở Ban Quản lý xã Đức Cờ: Bắt đầu từ 08 giờ ngày 12/8/2026 đến 17 giờ ngày 04/9/2026.

5. Thời gian, địa điểm nộp tiền đặt trước: Bắt đầu từ 08 giờ ngày 12/8/2026 đến 17 giờ ngày 04/9/2026 (tiền phải báo có trong tài khoản), tài khoản tại các ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương.

6. Thời gian, địa điểm nộp phiếu trả giá: Bắt đầu từ 08 giờ ngày 12/8/2026 đến 17 giờ ngày 04/9/2026, tại Trụ sở Ban Quản lý xã Đức Cờ.

7. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Bắt đầu lúc 08 giờ ngày 09/9/2026, tại Nhà thi đấu đa năng - Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao xã Đức Cờ; Địa chỉ: Thôn Chư Ty 1, đường Tôn Đức Thắng, xã Đức Cờ, tỉnh Gia Lai.

8. Hình thức, phương thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp với đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, phương thức trả giá lên, bán riêng từng lô đất.

9. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá là cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024 và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ của một lô đất đấu giá theo Quy chế cuộc đấu giá.

Rất mong Quý cơ quan đăng trên Trang thông tin điện tử của mình theo quy định.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Cty, hs.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Việt Hùng